

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1240/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 29/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-BXD ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-BXD ngày 20/ 7/ 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi và chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3245/TTr-SXD ngày 12/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*đính kèm phụ lục*).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thành phố niêm yết, công khai thực hiện theo quy định;

2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng, lĩnh vực nhà ở, thị trường bất động sản và quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

4. Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình Sổ hộ khẩu giấy thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

5. Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

6. Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

7. Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ XÂY DỰNG VÀ UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng				
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Dự án nhóm A 33 ngày làm việc; Dự án nhóm B 23 ngày làm việc; Dự án nhóm C 13 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận, số 44 đường 16 tháng 4, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- 40 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - 20 ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III; - 15 ngày làm việc đối với công trình còn lại.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	15 ngày làm việc đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	15 ngày làm việc đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	15 ngày làm việc đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	15 ngày làm việc đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -
7	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -
8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	- Như trên -
10	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	- Như trên -
11	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	- Như trên -
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Không	- Như trên -
13	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	- Như trên -
14	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	- Như trên -
15	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
16	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
18	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
19	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
20	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
21	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
22	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	- Như trên -
II					
Lĩnh vực vật liệu xây dựng					
1	Thủ tục công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	05 ngày làm việc	- Như trên -	150.000 đồng/giấy đăng ký (Thông tư số 183/2016/BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy)	Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
III	Lĩnh vực Nhà ở				
1	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	45 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Như trên -
2	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	45 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
3	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	45 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
4	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước	25 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
5	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước	40 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	- Như trên -	Không	Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ Xây dựng
7	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu	- Như trên -	Không	- Như trên -
8	Thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu Nhà nước	25 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là 55 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
9	Thủ tục công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	10 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng
10	Thủ tục công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	10 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	13 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2017 của Bộ Xây dựng
12	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	25 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
13	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	18 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
14	Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu Nhà nước	25 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
15	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Nhà ở ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn	25 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 758/QĐ-BXD ngày 20/7/2023 của Bộ Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
IV	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản				
1	Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	10 ngày làm việc	- Như trên -	200.000 đồng/chứng chỉ	Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng
2	Thủ tục Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản:	10 ngày làm việc	- Như trên -	200.000 đồng/chứng chỉ	- Như trên -
2.1	Thủ tục Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng				
2.2	Thủ tục Do hết hạn (hoặc gần hết hạn)				
3	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản có UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	30 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 94/QĐ-BXD ngày 28/02/2022 của Bộ Xây dựng
V	Quản lý chất lượng công trình xây dựng				
1	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	14 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình	- Như trên -	Không	Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 29/4/2021 của Bộ Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình	- Như trên -	Không	- Như trên -
3	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	18 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng
VI Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng					
1	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	09 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của Bộ Xây dựng
2	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	27 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
VII Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc					
1	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	18 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Xây dựng	Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	23 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Xây dựng	- Như trên -
3	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	15 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Tài chính	Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng.
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc	05 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Như trên -
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	10 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
6	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Như trên -
7	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Như trên -
8	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
VIII	Lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng				
1	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí và phí: Không. - Chi phí thực tế (tài liệu, in ấn, trích lục, ...)	Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ Xây dựng
IX	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng				
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	18 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của Bộ Xây dựng
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành XD xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	05 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	05 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -
4	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành XD)	18 ngày làm việc	- Như trên -	Không	- Như trên -

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 20 ngày làm việc đối với công trình - 15 làm việc ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 20 ngày làm việc đối với công trình - 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp giấy phép đi dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 20 ngày làm việc đối với công trình - 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- Như trên -
II Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					
1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	15 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.
III Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc					
1	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh QH chi tiết: 20 ngày làm việc. - Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh QH chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, diêm dân cư nông thôn: 15 ngày làm việc.	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Xây dựng	Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	25 ngày làm việc	- Như trên -	Theo quy định của Bộ Xây dựng	- Như trên -
IV	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng				
1	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	15 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí và phí: Không. - Chi phí thực tế (tài liệu, in ấn, trích lục, ...)	Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ Xây dựng